

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **104/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024**, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê T V A, sinh năm 1997; địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn*: Anh Trần T N, sinh năm 1985; địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê T V A và anh Trần T N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê T V A và anh Trần T N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Lê T V A và anh Trần T N thỏa thuận được: Chị Lê T V A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **cháu Trần K A, sinh ngày 01/02/2018**, anh Trần T N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **cháu Trần B L, sinh ngày 24/12/2020 cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động** Chị Lê T V A và anh Trần T N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lê T V A và anh Trần T N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Lê T V A và anh Trần T N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, cho vay chung: Chị Lê T V A và anh Trần T N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê T V A và anh T T N mỗi người phải chịu 75.000 VNĐ (Bảy mươi lăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê T V A tự nguyện nộp thay toàn bộ số tiền trên mà anh Trần T N phải nộp. Tổng cộng chị Lê T V A phải nộp 150.000 VNĐ (Một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê T V A đã nộp 300.000 VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0000324 ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay 150.000 đồng chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm, chị Lê T V A được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Triệu Trung Tá**

